

Bản án số: 149/2023/HC-PT

Ngày: 18 - 5 - 2023

V/v “Khiếu kiện yêu cầu buộc
thực hiện hành vi hành chính”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Lê Tự

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 334/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2022 về “Khiếu kiện yêu cầu buộc thực hiện hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1163/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Bùi Văn T; địa chỉ: 3 H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: ông Ngô Đức N; địa chỉ: B L, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: H đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Toàn T1, chức vụ - Phó Chủ tịch, có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Nguyễn Trọng H; địa chỉ: E Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Vào năm 1984 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai-Kon Tum có Quyết định số 51 cấp cho gia đình ông lô đất có diện tích là $285m^2$, tọa lạc tại 358/1 H, thị xã P (nay là thành phố P) tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc lô đất mà UBND tỉnh G-Kon Tum cấp cho gia đình ông là trước năm 1975 đã có người sử dụng, sau đó họ bỏ đi. Đến năm 1976 Chi hội Phụ nữ phường H đến tăng gia sản xuất trên lô đất này, đến năm 1977 trở đi Chi hội Phụ nữ phường H không canh tác nữa mà bỏ hoang. Vì vậy năm 1982 ông mới làm Đơn xin cấp đất và được cấp đất như đã trình bày trên.

Khi ông đến sử dụng có khai phá thêm nên thực tế diện tích đất ông sử dụng lớn hơn so với diện tích ghi trong quyết định cấp đất. Gia đình ông đã khai phá cải tạo thêm một phần diện tích đất bỏ hoang liền kề. Tổng diện tích đất thực tế gia đình ông sử dụng khoảng $550m^2$, có giới cận: phía Đông giáp đất ông B; phía Tây giáp đất ông N1 (nay là bà Nguyễn Thị Kim L sử dụng) và giáp với hẻm C H; phía Bắc giáp nhà dân (4 hộ); phía Nam giáp với suối H. Gia đình ông sử dụng ổn định liên tục lô đất nêu trên từ năm 1984 cho đến nay và không tranh chấp với ai, đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Vào năm 2016 thực hiện dự án xây dựng bờ kè chống sạt lở suối Hội P, nên UBND thành phố P và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã thu hồi của gia đình ông một phần diện tích đất mà gia đình ông đã sử dụng từ năm 1984. Khi thu hồi đất thì Nhà nước có bồi thường cho người bị thu hồi đất. Thực hiện việc thu hồi đất, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P và UBND phường H đã đến đo đạc diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi để thực hiện việc bồi thường.

Gia đình ông bị thu hồi $186,8m^2$ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo). Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Bùi L1; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Kim L; phía Bắc giáp phần đất của gia đình ông còn lại; phía Nam giáp suối H. Trên diện tích đất bị thu hồi, ông có trồng cây chuối, hoa màu ngắn ngày như rau muống, môn ông đang canh tác.

Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P tự ý dựng lên bồi thường cho cộng đồng khu dân cư và không bồi thường cho gia đình ông diện tích $186,8m^2$ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01. Diện tích đất nêu trên là một phần diện tích đất thực tế gia đình ông sử dụng từ năm 1984 đến nay.

Về căn cứ thể hiện diện tích đất gia đình ông sử dụng:

- Về xác nhận ranh giới không tranh chấp: tại Biên bản xác nhận không tranh chấp ngày 31/8/1998 của ông Đoàn D về thửa đất số 219, tờ bản đồ số 17, đất của ông Đoàn D tiếp giáp đất ông Bùi Văn T về hướng Đ (hiện nay là thửa số 34).

- Về xác nhận vị trí đất: tại sơ đồ trích lục đất bà Nguyễn Thị Kim L: thửa đất số 219, tờ bản đồ số 17 thể hiện gia đình ông có 4m giáp thửa đất 163 (nay là thửa

134) hướng Đông của thửa 219. Trích đo này vẽ ngày 10/7/2003 và được Sở T5 xác nhận ngày 14/7/2003.

- Về kê khai bồi thường: gia đình ông đứng ra kê khai bồi thường 03 bụi chuối, rau lang, rau muống trị giá 891.600 đồng. Khi kê khai đất để đền bù, gia đình ông là người kê khai thửa đất số 34.

- Về thời gian khai phá và sử dụng thửa đất số 34: gia đình ông khai phá từ năm 1984 và sử dụng ổn định đến năm 2016 thì bị thu hồi thực hiện dự án. Ông có 5 Giấy xác nhận của 5 nhân chứng (ông Bùi Văn T2, ông Ngô Đình T3, ông Lương Văn A, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn S1) là những người lân cận đều cư trú gần lô đất của ông biết được quá trình sử dụng đất của ông.

Việc sử dụng đất của gia đình ông là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương, không tranh chấp nên thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo quy định tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Vì vậy, gia đình ông đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 75, 77 Luật Đất đai.

Ngày 31/5/2021 UBND thành phố P ban hành Quyết định 1076/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án. Trong quyết định này không có bồi thường thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P là gây thiệt hại cho ông.

Ngày 25/11/2021 ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án: buộc UBND thành phố P phải bồi thường cho ông Bùi Văn T khi thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P.

Vợ ông Bùi Văn T là bà Kiều Thị Xuân T4 có đơn trình bày: thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Văn T và đề nghị không tham gia vào vụ kiện.

2. UBND thành phố P trình bày thể hiện:

* Về việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ 01 (bản đồ trích đo) theo Quyết định số 2070/QĐ/UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố P:

- Cá nhân, tổ chức quản lý sử dụng: cộng đồng dân cư tổ A, phường H.

- Vị trí thửa đất:

+ phía Đông: giáp với đất ông Bùi L1

+ phía Tây: giáp với đất của bà Nguyễn Thị Kim L.

+ phía Nam: giáp suối.

+ phía Bắc: giáp với đất ông Bùi Văn T.

- Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất: thửa đất này chưa có GCNQSDĐ.

- Diện tích đo đạc thực tế: 201,6m² đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất thu hồi: 186,8m² đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất còn lại: 14,8m² đất trồng cây hàng năm.

- Tổng giá trị bồi thường hỗ trợ được phê duyệt theo Quyết định số 2070/QĐ/UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố P: 34.522.754 đồng.
 - Ngày 16/12/2016 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2258/QĐ-UBND của về việc thu hồi đất của Cộng đồng dân cư tổ A, phường H.
 - Ngày 18/10/2019 UBND thành phố ban hành Quyết định số 2146/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố về việc thu hồi đất của Cộng đồng dân cư tổ 01 để triển khai dự án: Kè chống sạt lở suối H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (đoạn từ đường H đến đường N).
 - Ngày 31/5/2021 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1076/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND Thành phố P về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND Thành phố về việc phê duyệt phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2) dự án: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB công trình kè chống sạt lở suối H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (đoạn 2: từ đường H đến đường N).
- * Về việc ông Bùi Văn T đề nghị UBND thành phố phải bồi thường cho ông khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo).
- Trong quá trình thực hiện dự án Kè chống sạt lở suối Hội Phú (đoạn từ đường H đến đường N) có vướng vào thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo).
 - Trường hợp về thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) chưa được cấp GCNQSDĐ cũng như không có các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, vì vậy căn cứ theo khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”*
 - Qua kết quả xác minh của UBND phường H thì thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) tại tổ dân phố A, phường H là của Cộng đồng dân cư tổ 01. Nguyên trước đây là lô cốt của N2, sau giải phóng (năm 1976) các Hội viên của Chi hội Phụ nữ TDP 01 khai phá, trồng rau để tăng gia sản xuất. Đến năm 1993 toàn bộ khu vực suối Hội P bị ngập do cống tại khu vực cầu H bị tắc, nên các hộ dân tại khu vực này không thể canh tác được, trong đó có thửa đất số 34 của Cộng đồng dân cư tổ 01, do nước ngập nên môn đại mọc lên. Các Hội viên của Chi hội đã cùng nhau khai thác môn đại để phục vụ cho việc chăn nuôi hàng ngày.
 - Trên kết quả xác minh nguồn gốc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) của UBND phường H, Trung tâm phát triển quỹ đất đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) cho Cộng đồng dân cư tổ 01 và được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2070/QĐ/UBND ngày 16/12/2016.

- Ngày 20/12/2016 Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND phường H tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2) dự án: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng công trình Kè chống sạt lở suối Hội Phú (đoạn 2: từ đường H đến đường N). Tại buổi niêm yết có ông Bùi Văn T có ký Biên bản. Tuy nhiên ông T không có ý kiến gì về việc bồi thường cho Cộng đồng dân cư tổ 01.

- Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thì ông T có đơn kiến nghị, khiếu nại Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố. Theo đó, ông T không thống nhất bồi thường thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 cho Cộng đồng dân cư tổ 01 và đề nghị bồi thường thửa đất này cho ông.

- Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T, UBND thành phố đã giao cho UBND phường H và các cơ quan liên quan tiến hành xác minh nguồn gốc đất của thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo). Kết quả xác minh thể hiện thửa đất số 34 do Chi Hội Phụ nữ khai phá sau giải phóng năm 1975 để trồng rau, lấy quỹ sinh hoạt. Năm 1993 toàn bộ khu vực suối Hội P bị ngập do cống tại khu vực cầu H bị tắc nên các hộ dân tại khu vực này không thể canh tác được, trong đó có thửa đất số 34 của Cộng đồng dân cư tổ 01, do nước ngập nên môn đại mọc lên.

Trên kết quả xác minh và hồ sơ liên quan, ngày 05/3/2019 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 267/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T, cư trú tại 3 H, phường H (lần đầu). UBND thành phố không công nhận các nội dung khiếu nại của ông Bùi Văn T về Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố.

- Không thống nhất với việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố nên ông T đã tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh. Ngày 19/3/2019 UBND tỉnh có Công văn số 567/UBND-BTCD về việc giao Thanh tra tỉnh kiểm tra, xác minh và đề xuất giải quyết đơn của ông Bùi Văn T.

- Ngày 29/5/2019 UBND tỉnh có Công văn số 1132/UBND-NC giao Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại tổ chức kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T.

- Ngày 19/9/2019 Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại có Báo cáo số 34/BC-HHĐTV về kết quả kiểm tra, đề xuất hướng xử lý vụ việc của ông T, cụ thể:

+ Theo Kết luận của Hội đồng tư vấn, Chi hội Phụ nữ trước đây đã khai phá lô đất này, nhưng đến năm 1993 Chi hội không sử dụng, cũng không có các loại giấy tờ gì. Như vậy, Chi hội không phải là người đang sử dụng đất, không sử dụng đất ổn định, liên tục do đó không thuộc đối tượng được cấp GCNQSDĐ và được bồi thường.

+ Đối với ông Bùi Văn T: tổ dân phố 1, UBND phường H đã xác minh nguồn gốc đất. Các nhân chứng đều khẳng định đất là do Chi hội Phụ nữ khai phá từ năm 1975. Năm 1993 Chi hộ Phụ nữ không sử dụng được vì ngập nước. Vợ chồng ông T có thu hoạch môn đại trên đất. Ông T không phải là người khai phá, sử dụng diện tích đất này. Vì vậy ông T cũng không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận cũng như được bồi thường đất.

Như vậy, Chi hội Phụ nữ tổ dân phố 01 và ông Bùi Văn T không có quyền sử dụng đất hợp lệ trên diện tích đất của thửa số 34, tờ bản đồ trích đo số 01.

- Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn thì UBND tỉnh có Công văn số 1413/UBND-NC ngày 24/6/2019 về việc xử lý lại vụ việc liên quan đơn khiếu nại của ông Bùi Văn T, theo đó UBND tỉnh đề nghị UBND thành phố:

+ Thu hồi quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của Cộng đồng dân cư tổ 01. Đồng thời, thu hồi Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông T. Vì tại Quyết định này nhận định lô đất số 34 là của Chi Hội Phụ nữ tổ 01 và bồi thường cho Chi hội Phụ nữ tổ 01 là không đúng quy định.

+ Đồng thời xác định lại chủ thể bị thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 34.

- Ngày 11/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 2079/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T.

- Ngày 18/10/2019 UBND thành phố ban hành Quyết định số 2146/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố về việc thu hồi đất của Cộng đồng dân cư tổ 01 để triển khai dự án: Kè chống sạt lở suối H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (đoạn từ đường H đến đường N).

- Ngày 13/11/2019 bà Nguyễn Thị Ánh S2 (đại diện cho Cộng đồng dân cư tổ 01) đã nộp lại số tiền bồi thường, hỗ trợ của thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) cho Trung tâm phát triển quỹ đất.

- UBND thành phố xác định thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) do Nhà nước quản lý. Do đó, ngày 31/5/2021 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1076/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND thành phố P (Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND thành phố P điều chỉnh Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố P).

Như vậy qua các kết quả xác minh của UBND thành phố, Thanh tra tỉnh, Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại tỉnh đều thể hiện thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) là do Chi hội Phụ nữ khai phá từ sau giải phóng năm 1975. Năm 1993 Chi hội Phụ nữ không sử dụng được vì ngập nước. Vợ chồng ông T có thu hoạch môn đại trên đất. ông T không phải là người khai phá, sử dụng diện tích đất này. Vì vậy ông T cũng không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận cũng như được bồi thường đất.

Do đó việc ông Bùi Văn T đề nghị UBND thành phố phải bồi thường cho ông khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) là không có cơ sở.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 của

Luật Tổ tụng hành chính. Điều 75; khoản 2 Điều 77; khoản 2 Điều 101; khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai 2013. Điều 20; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai phải thực hiện hành vi bồi thường cho ông Bùi Văn T khi thực hiện việc thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022 UBND thành phố P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: thửa đất số 34, tờ bản đồ số 1 đang tranh chấp không phải do ông Bùi Văn T khai phá. nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là của Chi hội Phụ nữ số 1, phường H sử dụng; thửa đất này ông T chưa được cấp GCNQSDĐ, cũng như không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai. ông T cho rằng ông tự khai phá thửa đất này là không có cơ sở. Qua kết quả xác minh của UBND phường H thì thửa đất số 34 là của Cộng đồng dân cư tổ 1 khai thác môn đại để phục vụ cho việc chăn nuôi hàng ngày. ông T không có tài liệu chứng minh ông trồng trọt từ khi nào, trên đất có cây trồng, vật kiến trúc gì. Nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn cho rằng: ông T không phải là người khai phá nhưng có quá trình sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp từ năm 1984 đến 2016. Nhận định này là không đúng. Việc một số người dân xác nhận thỉnh thoảng có thấy vợ chồng ông T trồng rau lang hoặc thu hoạch môn đại trên đất, nhưng họ đều không chắc chắn về thời điểm, quá trình sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Bùi Văn T. Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện thống nhất, không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện (Luật sư Ngô Đức N) trình bày: nguồn gốc thửa đất 34 không có trong bản đồ địa chính, ông T là người đã khai phá, kê khai sử dụng nhưng khi đền bù thì lại đền bù cho Cộng đồng dân cư tổ 1 nên ông T mới khiếu nại. ông T là người trực tiếp sử dụng thửa đất 34, trước đây ông T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất gần suối nên cần có vành đai để bảo vệ đất ven suối, các nhân chứng cũng đã xác nhận ông T là người sử dụng ổn định từ đó đến nay. ông T cũng là người kê khai nộp thuế đất nông nghiệp, đất không có tranh chấp. Giả sử trường hợp ông T không được cấp GCNQSDĐ thì vẫn phải được đền bù để đảm bảo quyền sử dụng tôn tạo đất của ông T. Tôi đề nghị Hội

đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. ông Bùi Văn T đồng ý và không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của UBND thành phố P là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: ngày 03 tháng 10 năm 2022 UBND thành phố Pleiku kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Như vậy, kháng cáo của UBND thành phố P là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 31/5/2021 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1076/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong đó không bồi thường đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P đã bị thu hồi. Ngày 25 tháng 11 năm 2021 ông Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết: buộc UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai phải thực hiện hành vi bồi thường cho ông Bùi Văn T đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của UBND thành phố P:

[3.1] Nội dung các bên đương sự thoả thuận được: thửa 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P trước đây là lô cốt nguy có người sử dụng. Sau đó cả Chi hội Phụ nữ phường H và ông Bùi Văn T sử dụng.

Nội dung các bên đương sự không thoả thuận được: UBND thành phố P cho rằng Chi hội Phụ nữ phường sử dụng từ 1975 đến 1993. Còn ông Bùi Văn T cho rằng: Chi hội Phụ nữ phường sử dụng từ 1976 đến 1977 thì bỏ hoang. Năm 1982 ông làm Đơn xin cấp đất và được cấp 285m² theo quyết định số 51/QĐ-UB ngày 18/02/1982 của UBND tỉnh G-Kon Tum. Phần đất bị thu hồi là phần đất phía sau vườn ông khai phá cải tạo thêm và sử dụng từ năm 1984 đến nay, không có tranh chấp với ai.

[3.2] Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 18/02/1982 của UBND tỉnh G-Kon Tum cấp cho ông Bùi Văn T diện tích 285m² tại vị trí theo bản đồ trích lục (bút lục số 17).

Thửa 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H có tứ cận: Đông giáp với đất ông Bùi L1, Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Kim L, Nam giáp với suối và B1 giáp với đất ông Bùi Văn T. ông T sử dụng đất có đóng thuế với Nhà nước (bút lục số 5-7). Từ khi ông T sử dụng diện tích đất này thì mới hình thành con đường đi vào thửa đất.

Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND tỉnh G cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L là hộ giáp ranh liền kề với hộ ông T thể hiện một phần diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý của ông T (bút lục số 18-19). Hơn nữa, Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của Cộng đồng dân cư tổ A, phường H đã bị Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND thành phố P thu hồi (đại diện Cộng đồng dân cư tổ 01 đã nộp lại số tiền nhận bồi thường cho Trung tâm phát triển quỹ đất). Đồng thời, UBND thành phố P xác định thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, UBND thành phố P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh diện tích đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) do Nhà nước quản lý. Ngoài ra, Văn bản số 80/UBND-ĐC ngày 30/7/2018 của UBND phường H thể hiện: “... thửa đất số 34 thuộc tờ bản đồ số 01 được đền bù cho Cộng đồng dân cư không có thể hiện trong bản đồ địa chính quy chủ năm 1996 tại phường, đồng thời UBND phường cũng chưa thu thập được Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đối với thửa đất số 34 thuộc tờ bản đồ số 01 được đền bù cho Cộng đồng dân cư tổ A, phường H...” (bút lục số 103).

Một số người dân lớn tuổi sinh sống gần với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo) cho rằng: “... ông Bùi Văn T có canh tác trồng hoa màu từ năm 1984 đến 2016 trên diện tích đất của thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01” (bút lục số 11 đến 15). Phù hợp với lời trình bày của ông Bùi Văn T cho rằng: toàn bộ vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên diện tích đất tranh chấp đã bồi thường cho Cộng đồng dân cư tổ 1 là do ông Bùi Văn T trồng, chăm sóc.

[3.3] Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm nhận định đánh giá và cho rằng: tuy ông T không phải là người khai phá, nhưng có quá trình sử dụng ổn định lâu dài, không tranh chấp từ năm 1984 đến 2016 thì bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án. Do đó, căn cứ Điều 75; Điều 77; Điều 101; khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Điều 20; Điều 21 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp ông Bùi Văn T được xem xét bồi thường khi thu hồi đất. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: kháng cáo của UBND thành phố P là không có căn cứ để chấp nhận. Bác kháng cáo của UBND thành phố P. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 3; khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 75; Điều 77; Điều 101; Điều 166 Luật Đất đai 2013. Điều 20; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai phải thực hiện hành vi bồi thường cho ông Bùi Văn T khi thực hiện việc thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01 (trích đo) tại tổ A, phường H, thành phố P theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố P phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000185 ngày 18/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân

Lê Tự

Trần Quốc Cường